TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Tạ Quang Đức

2. ông Võ Văn Tường

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2022/ TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Đồng Thanh Mỹ L,** sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: ông **Nguyễn Hoàng E,** sinh năm 1983

Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Đồng Thanh Mỹ L trình bày: bà và ông Nguyễn Hoàng E tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó một thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng cũng đã chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên

bà yêu cầu được ly hôn với ông E. Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Tú Q (nữ) sinh ngày 19/9/2013 và Nguyễn Tuấn H (nam) sinh ngày 14/5/2018. Từ khi ly thân đến nay, các con chung ở với bà, bà yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu ông E cấp dưỡng. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đồng Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Hoàng E xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97, ngày 12/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng E vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Bà L và ông Hoàng E trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Hoàng E vắng mặt, chứng tỏ rằng ông cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Hoàng E và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4] Về con chung, bà L và ông E có 02 con chung là Nguyễn Tú Q (nữ) sinh ngày 19/9/2013 và Nguyễn Tuấn H (nam) sinh ngày 14/5/2018. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà L. Bà L yêu cầu nuôi cả 02 con chung, cháu Q có đơn trình bày nguyện vọng chung sống với mẹ. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu nên Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó chưa xem xét giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đồng Thanh Mỹ L với ông Nguyễn Hoàng E.

- *Về con chung:* Giao Nguyễn Tú Q (nữ) sinh ngày 19/9/2013 và Nguyễn Tuấn H (nam) sinh ngày 14/5/2018 cho bà L nuôi dưỡng. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông E, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà L nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0007549 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã A;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa